

Thanh Hóa, ngày 13 tháng 03 năm 2026

Số: 34/2026/CNTH-QCDG

QUY CHẾ CUỘC ĐẦU GIÁ

Quyền sử dụng đất 168 lô đất tại dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (MBQH được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ)

Căn cứ:

- Luật Đất đai năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29/6/2024;
- Luật Đầu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024;
- Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;
- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 và Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;
- Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dân về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; quy định việc thu, chi, quản lý và sử dụng tiền bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiền đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;
- Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Chính Phủ quy định về xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai;
- Công văn số 430/UBND-KTTC ngày 08/01/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao triển khai thực hiện Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ;
- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và

hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QĐ15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai;

- Văn bản số 3252/UBND-KTTC ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc mức tiền đặt trước trong trường hợp đấu giá để giao đất ở cho cá nhân;

- Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất 168 lô đất tại dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (MBQH được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ);

- Quyết định số 278/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt giá đất khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất 168 lô đất tại dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (MBQH được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ);

- Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 26/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa về việc đấu giá quyền sử dụng đất 168 lô đất tại dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (MBQH được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ);

- Thông báo số 38/TB-UBND ngày 06/03/2026 của UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa về việc thông báo Kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 168 lô đất tại dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (MBQH được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ);

- Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 13/03/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất 168 lô đất tại dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (MBQH được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ).

Thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản số: 31/2026/HĐĐG.CNTH ngày 13/03/2026 ký giữa UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa và Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa về việc đấu giá quyền sử dụng đất 168 lô đất tại dự án: Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (MBQH được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ).

- Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa ban hành Quy chế cuộc đấu giá quyền sử dụng đất với những nội dung như sau:

Điều 1. Tài sản đấu giá:

1. Địa điểm, vị trí các lô đất đấu giá:

Khu đất đấu giá bao gồm 168 lô đất ở thuộc Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa) (Mặt bằng quy

hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ) nay là thôn Phụng Mao, xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa.

2. Diện tích các lô đất đấu giá:

- Tổng diện tích đất đưa ra đấu giá: 21.642,5 m², gồm 168 lô đất.
- Diện tích từng lô đất: tại Điều 2 Quy chế này.

3. Hiện trạng, Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá tại thời điểm bán đấu giá:

3.1. Hiện trạng:

- San nền: Nền hiện trạng mặt bằng quy hoạch;
- Đường quy hoạch: quy hoạch đường thảm nhựa;
- Hệ thống thoát nước: Đã có theo quy hoạch;
- Hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè lát đá: Đã có theo quy hoạch.

3.2. Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá tại thời điểm bán đấu giá: Hạ tầng kỹ thuật phải được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo hình thức đấu giá giao quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

Điều 2: Giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ:

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/01 hồ sơ/ 01 lô đất)
I	Lô LK1	2.651,0		10.895.550.000		5.447.775.000
1	LK1: 01	125,5	5.400.000	677.700.000	100.000	338.850.000
2	LK1: 02	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
3	LK1: 03	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
4	LK1: 04	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
5	LK1: 05	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
6	LK1: 06	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
7	LK1: 07	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
8	LK1: 08	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
9	LK1: 09	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000

10	LK1: 10	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
11	LK1: 11	120,0	4.950.000	594.000.000	100.000	297.000.000
12	LK1: 12	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
13	LK1: 13	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
14	LK1: 14	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
15	LK1: 15	118,0	4.200.000	495.600.000	100.000	247.800.000
16	LK1: 16	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
17	LK1: 17	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
18	LK1: 18	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
19	LK1: 19	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
20	LK1: 20	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
21	LK1: 21	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
22	LK1: 22	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000
II	Lô LK2	2.651,0		10.895.550.000		5.447.775.000
1	LK2: 01	120,0	4.950.000	594.000.000	100.000	297.000.000
2	LK2: 02	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
3	LK2: 03	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
4	LK2: 04	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
5	LK2: 05	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
6	LK2: 06	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
7	LK2: 07	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
8	LK2: 08	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
9	LK2: 09	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
10	LK2: 10	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
11	LK2: 11	125,5	5.400.000	677.700.000	100.000	338.850.000
12	LK2: 12	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000
13	LK2: 13	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
14	LK2: 14	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
15	LK2: 15	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
16	LK2: 16	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
17	LK2: 17	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
18	LK2: 18	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
19	LK2: 19	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000

20	LK2: 20	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
21	LK2: 21	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
22	LK2: 22	118,0	4.200.000	495.600.000	100.000	247.800.000
III	Lô LK3	2.411,0		9.935.550.000		4.967.775.000
1	LK3:01	125,5	5.400.000	677.700.000	100.000	338.850.000
2	LK3:02	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
3	LK3:03	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
4	LK3:04	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
5	LK3:05	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
6	LK3:06	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
7	LK3:07	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
8	LK3:08	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
9	LK3:09	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
10	LK3:10	120,0	4.950.000	594.000.000	100.000	297.000.000
11	LK3:11	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
12	LK3:12	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
13	LK3:13	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
14	LK3:14	118,0	4.200.000	495.600.000	100.000	247.800.000
15	LK3:15	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
16	LK3:16	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
17	LK3:17	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
18	LK3:18	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
19	LK3:19	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
20	LK3:20	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000
IV	Lô LK4					
1	LK4: 01	120,0	4.950.000	594.000.000	100.000	297.000.000
2	LK4: 02	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
3	LK4: 03	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
4	LK4: 04	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
5	LK4: 05	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
6	LK4: 06	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
7	LK4: 07	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
8	LK4: 08	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000

9	LK4: 09	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
10	LK4: 10	125,5	5.400.000	677.700.000	100.000	338.850.000
11	LK4: 11	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000
12	LK4: 12	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
13	LK4: 13	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
14	LK4: 14	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
15	LK4: 15	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
16	LK4: 16	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
17	LK4: 17	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
18	LK4: 18	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
19	LK4: 19	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
20	LK4: 20	118,0	4.200.000	495.600.000	100.000	247.800.000
V	Lô LK5					
1	LK5: 01	125,5	5.400.000	677.700.000	100.000	338.850.000
2	LK5: 02	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
3	LK5: 03	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
4	LK5: 04	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
5	LK5: 05	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
6	LK5: 06	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
7	LK5: 07	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
8	LK5: 08	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
9	LK5: 09	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
10	LK5: 10	120,0	4.950.000	594.000.000	100.000	297.000.000
11	LK5: 11	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
12	LK5: 12	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
13	LK5: 13	122,5	3.500.000	428.750.000	100.000	214.375.000
14	LK5: 14	118,0	4.200.000	495.600.000	100.000	247.800.000
15	LK5: 15	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
16	LK5: 16	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
17	LK5: 17	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
18	LK5: 18	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
19	LK5: 19	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
20	LK5: 20	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000

VI	Lô LK6	1.880,0		7.704.000.000		3.852.000.000
1	LK6:01	120,0	4.950.000	594.000.000	100.000	297.000.000
2	LK6:02	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
3	LK6:03	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
4	LK6:04	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
5	LK6:05	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
6	LK6:06	120,0	4.500.000	540.000.000	100.000	270.000.000
7	LK6:07	110,0	4.500.000	495.000.000	100.000	247.500.000
8	LK6:08	110,0	4.950.000	544.500.000	100.000	272.250.000
9	LK6:09	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000
10	LK6:10	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
11	LK6:11	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
12	LK6:12	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
13	LK6:13	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
14	LK6:14	120,0	3.500.000	420.000.000	100.000	210.000.000
15	LK6:15	110,0	3.500.000	385.000.000	100.000	192.500.000
16	LK6:16	110,0	3.850.000	423.500.000	100.000	211.750.000
VII	Lô LK7	1.325,5		4.790.800.000		2.395.400.000
1	LK7:01	156,5	4.200.000	657.300.000	100.000	328.650.000
2	LK7:02	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
3	LK7:03	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
4	LK7:04	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
5	LK7:05	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
6	LK7:06	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
7	LK7:07	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
8	LK7:08	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
9	LK7:09	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000
VIII	Lô LK8	1.325,5		4.790.800.000		2.395.400.000
1	LK8:01	120,0	3.850.000	462.000.000	100.000	231.000.000
2	LK8:02	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
3	LK8:03	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
4	LK8:04	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
5	LK8:05	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000

6	LK8:06	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
7	LK8:07	156,5	4.200.000	657.300.000	100.000	328.650.000
8	LK8:08	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
9	LK8:09	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
IX	Lô LK9	1.205,5		4.381.300.000		2.190.650.000
1	LK9:01	156,5	4.200.000	657.300.000	100.000	328.650.000
2	LK9:02	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
3	LK9:03	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
4	LK9:04	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
5	LK9:05	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
6	LK9:06	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
7	LK9:07	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
8	LK9:08	150,0	3.850.000	577.500.000	100.000	288.750.000
X	Lô LK10	1.205,5		4.381.300.000		2.190.650.000
1	LK10: 01	150,0	3.850.000	577.500.000	100.000	288.750.000
2	LK10: 02	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
3	LK10: 03	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
4	LK10: 04	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
5	LK10: 05	150,0	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
6	LK10: 06	156,5	4.200.000	657.300.000	100.000	328.650.000
7	LK10: 07	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
8	LK10: 08	149,5	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
XI	Lô LK11	1.205,5		4.381.300.000		2.190.650.000
1	LK11: 01	156,50	4.200.000	657.300.000	100.000	328.650.000
2	LK11: 02	149,50	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
3	LK11: 03	149,50	3.500.000	523.250.000	100.000	261.625.000
4	LK11: 04	150,00	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
5	LK11: 05	150,00	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
6	LK11: 06	150,00	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
7	LK11: 07	150,00	3.500.000	525.000.000	100.000	262.500.000
8	LK11: 08	150,00	3.850.000	577.500.000	100.000	288.750.000
XII	Lô LK12	960,0		3.472.000.000		1.736.000.000
1	LK12:01	160,0	3.850.000	616.000.000	100.000	308.000.000

2	LK12:02	160,0	3.500.000	560.000.000	100.000	280.000.000
3	LK12:03	160,0	3.500.000	560.000.000	100.000	280.000.000
4	LK12:04	160,0	3.500.000	560.000.000	100.000	280.000.000
5	LK12:05	160,0	3.500.000	560.000.000	100.000	280.000.000
6	LK12:06	160,0	3.850.000	616.000.000	100.000	308.000.000
Tổng 168 lô đất		21.642,50		85.499.250.000		42.749.625.000

Điều 3. Điều kiện đăng ký tham gia đấu giá

1. Người được đăng ký tham gia đấu giá

- Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

2. Người không được đăng ký tham gia đấu giá

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký tham gia đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình;

- Người làm việc trong tổ chức hành nghề đấu giá tài sản thực hiện phiên đấu giá; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của đấu giá viên điều hành phiên đấu giá; người trực tiếp giám định, định giá tài sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người trực tiếp giám định, định giá tài sản;

- Người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền xử lý tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản, người ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, người có quyền quyết định bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật; Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quy định tại điểm này;

- Người không có quyền mua tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đó.

Điều 4: Hồ sơ tham gia đấu giá và xét hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá.

1. Hồ sơ tham gia đấu giá bao gồm:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ), (trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá);

- Bản sao CC/CCCD của người tham gia đấu giá (Còn thời hạn).

- Bản sao CC/CCCD của cả vợ và chồng (trừ trường hợp có nhu cầu đứng tên tài sản riêng).

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật (nếu có ủy quyền).



2. Xét hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá:

- Sau khi kết thúc thời gian bán và tiếp nhận hồ sơ mời tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá. Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa thực hiện việc xét hồ sơ đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá. Đối với trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước không đủ với số hồ sơ đăng ký hoặc không nộp tiền đặt trước. Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa thông báo cho người không đủ điều kiện tham gia đấu giá chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày mở phiên đấu giá.

- Người đăng ký tham gia đấu giá thuộc trường hợp mua nhiều hồ sơ nhưng nộp tiền đặt trước không đủ với số hồ sơ đăng ký chịu trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin những hồ sơ không nộp tiền đặt trước khi Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa liên hệ để hoàn thành việc xét hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá. Người đăng ký tham gia đấu giá không cung cấp thông tin những hồ sơ không nộp tiền đặt trước cho Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa thì không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

- Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa thông báo cho người không đủ điều kiện tham gia đấu giá chậm nhất là 01 ngày làm việc trước ngày mở phiên đấu giá bằng hình thức: Gọi điện thoại/Tin nhắn SMS/Zalo đồng thời niêm yết công khai danh sách người không đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá tại trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

Điều 5. Điều kiện được tham gia đấu giá

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này;

- Nộp đủ tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước theo thông báo của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;

- Đáp ứng điều kiện về việc xét hồ sơ đủ điều kiện tham gia đấu giá tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này;

- Khi tham dự phiên đấu giá phải có giấy chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân (bản chính), giấy nộp tiền đặt trước (bản chính) nếu nộp tại ngân hàng hoặc chụp lại lệnh chuyển tiền thành công nếu chuyển khoản qua Internet Banking;

- Đối với trường hợp người tham gia đấu giá không thể tham gia đấu giá thì có thể ủy quyền, việc ủy quyền phải theo quy định của pháp luật;

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này.

Điều 6: Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (Trong giờ hành chính):

+ Tại trụ sở UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa: Từ 07h30' ngày 17/03/2026 đến 16h30' ngày 31/03/2026

+ Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa: Từ 07h30' ngày 17/03/2026 đến 16h30' ngày 01/04/2026

~~* Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 16h30' ngày 01/04/2026~~

- **Xem tài sản (Trong giờ hành chính):** Liên tục trong 03 ngày: từ 07h30' ngày 23/03/2026 đến 16h30' ngày 25/03/2026 tại thực địa khu đất Mặt bằng khu dân cư thôn Phụng Mao, xã Hoàng Phụng (nay là xã Hoàng Giang) (Mặt bằng quy hoạch được phê duyệt tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 16/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Hoàng Hóa cũ) nay là thôn Phụng Mao, xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH, Quy chế và thông báo, được niêm yết tại UBND xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa; nơi tổ chức phiên đấu giá: Hội trường Đảng ủy xã Hoàng Giang và trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- **Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:**

Thời gian: Từ 07h30' ngày 17/03/2026 đến 17h00' ngày 01/04/2026

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: **Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa**

+ Số tài khoản **2210418888**

+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - Chi nhánh Bắc Thanh Hóa

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: "*Họ tên người tham gia đấu giá, Số CC/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá tại xã Hoàng Giang (Số lượng ... lô đất)*".

+ *Lưu ý: Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ trên thông tin số dư tài khoản hiển thị "Báo có" vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 17h00' ngày 01/04/2026. Trường hợp khoản tiền đặt trước về tài khoản của Công ty sau 17h00' ngày 01/04/2026 sẽ không hợp lệ.*



- **Tổ chức Phiên đấu giá:** Vào hồi 07h30 phút ngày 05/04/2026 – Chủ nhật tại Hội trường Đảng ủy xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa (Địa chỉ: Thôn Thanh Minh, xã Hoàng Hạp (cũ) nay là xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa).

Điều 7: Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

1. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng/01 hồ sơ. Giá tiền mua hồ sơ là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại). (Chi tiết tại Thông báo mời tham gia đấu giá của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi

nhánh Thanh Hóa và tại Điều 2 Quy chế này).

2. Tiền đặt trước tham gia đấu giá: Từ 192.5000.000 đồng đến 338.850.000 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất. (Chi tiết tại Thông báo mời tham gia đấu giá của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa và tại Điều 2 Quy chế này).

+ Khoản tiền đặt trước được thu bằng tiền đồng Việt Nam.

+ Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng lô đất đăng ký. Tiền đặt trước được chuyển thành tiền đặt cọc và được trừ vào tiền sử dụng đất mà người trúng đấu giá phải nộp khi trúng đấu giá. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá, Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có trách nhiệm trả lại khoản tiền đặt trước cho người tham gia đấu giá từ chối tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Luật đấu giá, người tham gia đấu giá đã nộp tiền đặt trước nhưng không đáp ứng yêu cầu, điều kiện tham gia đấu giá theo thông báo đấu giá, người tham gia đấu giá không trúng đấu giá (phí chuyển trả tiền được trừ trong số tiền đặt trước của người tham gia đấu giá).

3. Các trường hợp không được nhận lại khoản tiền đặt trước

- Đã nộp tiền đặt trước nhưng không tham gia phiên đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng;

- Bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi:

+ Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham dự phiên đấu giá;

+ Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đìm giá, nâng giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

+ Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá;

+ Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản;

+ Nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với lô đất mà mình cũng là người tham gia đấu giá lô đất đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một lô đất.

+ Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với lô đất đó.

- Từ chối ký biên bản đấu giá;

- Rút lại giá đã trả hoặc giá đã chấp nhận;

- Từ chối kết quả trúng đấu giá.

Điều 8. Nguyên tắc, hình thức, cách thức tổ chức đấu giá và phương thức đấu giá

1. Nguyên tắc đấu giá:

- Tuân thủ quy định của pháp luật;

- Đảm bảo tính độc lập, trung thực, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan;

- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có tài sản đấu giá; người tham gia đấu giá;

người trúng đấu giá, người mua được tài sản đấu giá, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, đấu giá viên;

- Phiên đấu giá phải do đấu giá viên điều hành.

2. Hình thức đấu giá:

Đấu giá một vòng, bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại Phiên đấu giá.

3. Cách thức tổ chức đấu giá và bỏ phiếu:

- Người tham gia đấu giá đăng ký số lô đất tại phiên đấu giá. Đấu giá một lượt tất cả các lô đất. Người tham gia đấu giá đăng ký mức tiền đặt trước nào thì được tham gia đấu giá các lô đất có mức tiền đặt trước tương ứng với mức đã đăng ký.

- Mỗi lô đất phải có từ 02 người trở lên mới đủ điều kiện đấu giá.

- Người tham gia đấu giá trả giá theo giá trị của toàn bộ lô đất.

4. Phương thức đấu giá:

- Theo phương thức trả giá lên.

Điều 9. Trình tự tổ chức phiên đấu giá:

Đấu giá viên điều hành phiên đấu giá theo trình tự:

- Giới thiệu bản thân, người giúp việc; công bố danh sách người tham gia đấu giá và điểm danh để xác định người tham gia đấu giá;

- Đọc Quy chế phiên đấu giá, Nội quy phòng đấu giá;

- Giới thiệu thông tin khu đất đấu giá, lô đất đấu giá;

- Nhắc lại mức giá khởi điểm;

- Thông báo bước giá và khoảng thời gian viết và bỏ phiếu trả giá;

- Phát phiếu cho người tham gia đấu giá;

- Hướng dẫn cách trả giá, chấp nhận giá và trả lời câu hỏi của người tham gia đấu giá;

- Nhắc lại yêu cầu đối với phiếu trả giá hợp lệ, thời gian để thực hiện việc ghi phiếu;

- Điều hành việc trả giá, công bố nội dung thông tin giá trả trên từng phiếu đấu giá.

Điều 10. Nguyên tắc trả giá và xét giá (Điều 42 Luật Đấu giá tài sản):

- Đấu giá theo từng lô đất bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng (01 lần) đấu duy nhất, tất cả những người tham gia đấu giá đã đăng ký đấu giá đủ điều kiện sẽ cùng tham gia trả giá 01 lần.

- Một người tham gia đấu giá sẽ được phát phiếu trả giá để trả giá cho từng lô đất. Nếu viết nhầm (trước khi bỏ phiếu) phải yêu cầu đổi tờ khác, không được tẩy xóa, sửa chữa trên tờ phiếu. Việc đổi phiếu trong thời gian quy định và được sự chấp thuận của đấu giá viên. Người tham gia đấu giá phải nộp lại tờ phiếu đã bị hỏng.

- Người đăng ký tham gia đấu giá có thể đăng ký đấu giá nhiều lô đất và được phát số lượng Phiếu trả giá tương ứng với số lượng lô đất đăng ký nhưng với mỗi lô đất chỉ được nộp 01 Phiếu trả giá và trả 01 giá duy nhất.

- Người tham gia đấu giá phải ghi ký hiệu lô đất đấu giá trên Phiếu trả giá tương ứng

với ký hiệu lô đất đã đăng ký tại Phiếu đăng ký tham gia đấu giá.

- Thời gian viết và bỏ phiếu trả giá: tối đa không quá 70 phút, thời gian cụ thể do đấu giá viên điều hành phiên đấu giá công khai ngay sau khi khai mạc phiên đấu giá.

- Việc xét giá được tiến hành công khai, tại chỗ. Đấu giá viên xem xét các phiếu trả giá hợp lệ. Việc xếp hạng theo giá trả từ cao xuống thấp để xác định danh sách người trúng đấu giá, có sự kiểm tra giám sát của đại diện người có tài sản và chứng kiến của người tham gia đấu giá.

Điều 11. Xác định người trúng đấu giá (Khoản 2 Điều 42 Luật Đấu giá tài sản):

a. Xác định người trúng đấu giá: Người trúng đấu giá là Người có phiếu đấu giá hợp lệ và có giá trả cao nhất nhưng không được thấp hơn giá khởi điểm, được đấu giá viên công bố tại phiên đấu giá. Người tham gia đấu giá phải trả giá trên tổng giá trị của lô đất, tính theo đơn vị Việt Nam Đồng. Lô đất có người trúng đấu giá là lô đất phải có tối thiểu hai phiếu trả giá bằng hoặc cao hơn giá khởi điểm.

b. Phiếu trả giá hợp lệ:

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì thực hiện việc trả giá tương ứng với số lô đất đã đăng ký;

- Phiếu trả giá theo mẫu và có đóng dấu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa, người tham gia đấu giá phải điền đầy đủ các thông tin thống nhất với Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá;

- Phiếu trả giá phải ghi rõ ký hiệu lô đất đấu giá và phải thống nhất với ký hiệu lô đất tại Phụ lục kèm theo Thông báo mời tham gia đấu giá và Điều 2 Quy chế này;

- Phiếu trả giá phải còn nguyên vẹn, không bị rách nát, hay tẩy xóa. Trường hợp viết nhầm (trước khi bỏ phiếu) phải yêu cầu đổi tờ phiếu khác. Việc đổi phiếu trong thời gian quy định và được sự chấp thuận của đấu giá viên. Người tham gia đấu giá phải nộp lại tờ phiếu đã bị hỏng.

- Trong phiếu trả giá, người tham gia đấu giá ghi cả số tiền bằng số và số tiền bằng chữ; trường hợp số tiền bằng số và số tiền bằng chữ không thống nhất thì căn cứ số tiền bằng chữ để xác định giá đã trả.

- Giá trả ghi trong phiếu trả giá tối thiểu bằng giá khởi điểm của lô đất.

- Nộp phiếu trả giá đúng thời gian quy định.

c. Phiếu trả giá không hợp lệ:

- Phiếu không phải do Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa gia phát hành, người tham gia đấu giá không điền đầy đủ các thông tin, không ký và ghi rõ họ tên của người tham gia đấu giá; hoặc có điền thông tin nhưng không thống nhất với Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá.

- Phiếu trả giá không ghi ký hiệu lô đất đấu giá hoặc có ghi ký hiệu lô đất đấu giá nhưng không thống nhất với ký hiệu lô đất tại Phụ lục kèm theo Thông báo mời tham gia đấu giá và Điều 2 Quy chế này.

- Phiếu trả giá không xác định được giá trả.

- Giá ghi trong phiếu trả giá thấp hơn giá khởi điểm của lô đất.

- Phiếu trả giá không còn nguyên vẹn, rách nát, bị tẩy xóa.
- Phiếu trả giá chỉ ghi bằng số hoặc chỉ ghi bằng chữ.
- Phiếu trả giá cho lô đất có số tiền đặt trước không tương ứng với số tiền đặt trước đăng ký trong Phiếu đăng ký tham gia đấu giá.
- Người tham gia đấu giá nộp nhiều phiếu trả giá cho 01 lô đất thì tất cả các phiếu trả giá đó đều không hợp lệ.
- Phiếu trả giá nộp sau khi kết thúc thời gian thu phiếu.

d. Xử lý các trường hợp phát sinh

- Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trả mức giá cao nhất, đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất để chọn ra người trúng đấu giá. Nếu trong số những người có giá trả cao nhất có người tiếp tục trả giá thì đấu giá viên phát phiếu trả giá cho người đó; đấu giá viên công bố người đó là người trúng đấu giá nếu người đó có giá trả cao hơn. Nếu tất cả người có giá trả cao nhất không đồng ý đấu giá tiếp thì đấu giá viên tổ chức bốc thăm để chọn ra người trúng đấu giá.

- Bước giá:

+ Trong trường hợp tổ chức đấu giá tiếp: Bước giá để tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất trong 01 lô đất (nếu có) là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

Điều 12. Xử lý tình huống phát sinh khi người tham gia đấu giá rút lại giá đã trả hoặc từ chối nhận quyền trúng đấu giá

a. Rút lại giá đã trả:

- Tại phiên đấu giá thực hiện bằng phương thức trả giá lên theo hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, nếu người đã trả giá cao nhất rút lại giá đã trả trước khi đấu giá viên công bố người trúng đấu giá thì phiên đấu giá vẫn tiếp tục và bắt đầu từ giá của người trả giá liền kề trước đó.

Người rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia phiên đấu giá.

b. Từ chối kết quả trúng đấu giá:

Trường hợp đấu giá theo phương thức trả giá lên, sau khi đấu giá viên điều hành phiên đấu giá đã công bố người trúng đấu giá mà tại phiên đấu giá người này từ chối kết quả trúng đấu giá thì người trả giá liền kề là người trúng đấu giá, nếu đáp ứng các điều kiện sau: giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá; người trả giá liền kề chấp nhận trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Trong trường hợp người trúng đấu giá từ chối kết quả trúng đấu giá mà có từ 02 (hai) người trở lên cùng trả giá liền kề bằng nhau có nhu cầu mua lô đất đó, nếu giá liền kề đó cộng với khoản tiền đặt trước ít nhất bằng giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá thì Đấu giá viên tổ chức bốc thăm giữa những người trả giá liền kề để chọn ra người trúng đấu giá).

Trường hợp giá liền kề cộng với khoản tiền đặt trước nhỏ hơn giá đã trả của người từ chối kết quả trúng đấu giá hoặc người trả giá liền kề không chấp nhận trúng đấu giá thì lô đất đấu giá không thành.

Điều 13. Nội quy phòng đấu giá:

Người tham gia đấu giá và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan khi tham gia phiên đấu giá phải tuân thủ nội quy phòng đấu giá do Công ty Đấu giá Hợp danh Số 1 Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa ban hành, gồm những nội dung cơ bản như sau:

- Người nộp hồ sơ đăng ký đấu giá không đủ điều kiện tham gia đấu giá không được vào phòng tổ chức phiên đấu giá.

- Người tham gia đấu giá là 01 người duy nhất có tên trong danh sách xét duyệt đủ điều kiện tham dự phiên đấu giá và phải trực tiếp trả giá. Trường hợp có người đại diện theo ủy quyền thì cần phải có văn bản ủy quyền hợp lệ. Trong một lô đất đấu giá, một người chỉ được đại diện (bao gồm cả đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền) cho một đối tượng tham gia đấu giá và nếu đã là người tham gia đấu giá tại cùng 01 lô đất đấu giá thì không được đại diện cho người đăng ký tham gia đấu giá khác.

- Người tham gia đấu giá (hoặc người được ủy quyền hợp lệ) phải có mặt tại phòng tổ chức phiên đấu giá đúng giờ, ngày quy định theo thông báo và quy chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi phiên đấu giá khai mạc và kết thúc thủ tục điểm danh người tham gia đấu giá, những người tham gia đấu giá đến muộn không được vào phòng tổ chức đấu giá và bị xử lý theo quy định của Quy chế đấu giá và quy định pháp luật.

- Người tham gia đấu giá đến phiên đấu giá phải có trang phục lịch sự, thái độ ứng xử đúng mực, không được nói tục chửi bậy, gây rối trật tự phòng đấu giá. Người tham gia đấu giá ngồi đúng vị trí ban tổ chức đã hướng dẫn, không đi lại lộn xộn trong phòng đấu giá.

- Người tham gia đấu giá không được nói chuyện, trao đổi với cá nhân khác trong phòng đấu giá, không được sử dụng điện thoại di động hoặc bất kỳ phương tiện truyền thông nào trong phòng đấu giá, không được quay phim, chụp hình trong phòng tổ chức đấu giá; Người tham gia đấu giá không tự ý ra khỏi phòng đấu giá nếu chưa có sự đồng ý của Đấu giá viên.

- Người tham gia đấu giá không được mang chất cháy nổ, vũ khí, chất kích thích vào khu vực tổ chức phiên đấu giá. Người tham gia đấu giá không hút thuốc lá (xì gà) trong phòng đấu giá, không được sử dụng chất kích thích khi đến tham dự phiên đấu giá.

- Người tham gia đấu giá phải tuân thủ tuyệt đối sự điều hành phiên đấu giá của Đấu giá viên. Không tranh luận với Đấu giá viên vì bất kỳ lý do nào.

- Người tham gia đấu giá có hành vi phá rối, cản trở phiên đấu giá hoặc liên kết, thông đồng đùm giã thì bị truất quyền tham gia đấu giá và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm quy định tại Quy chế phiên đấu giá, Nội quy phòng đấu giá hoặc quy định khác của Luật Đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo Quy chế phiên đấu giá, hoặc xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá:

Các trường hợp bị truất quyền tham gia đấu giá do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 9 của Luật Đấu giá tài sản bao gồm:

+ Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia phiên đấu giá.

+ Thông đồng, móc nối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá khác, cá nhân, tổ chức khác để đim giá, làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

+ Cản trở hoạt động đấu giá tài sản; gây rối, mất trật tự tại phiên đấu giá;

+ Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

+ Nhận ủy quyền tham gia đấu giá của người tham gia đấu giá khác đối với lô đất mà mình cũng là người tham gia đấu giá lô đất đó; nhận ủy quyền tham gia đấu giá của từ hai người tham gia đấu giá trở lên đối với cùng một lô đất.

+ Tham dự phiên đấu giá trong trường hợp vợ, chồng, anh ruột, chị ruột, em ruột cũng là người tham gia đấu giá đối với lô đất đó.

+ Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 15. Tiến độ nộp tiền sử dụng đất.

- Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ nhận được Quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của UBND xã Hoàng Giang, cơ quan Thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất bằng văn bản cho người đã trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

- Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất theo thông báo của cơ quan Thuế (thực hiện theo quy định tại Khoản 3, 4 Điều 18 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế), cụ thể như sau:

+ Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền của cơ quan Thuế, người trúng đấu giá phải nộp 50% tiền sử dụng đất theo Thông báo;

+ Chậm nhất là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ban hành Thông báo nộp tiền của cơ quan Thuế, người trúng đấu giá phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo;

- Kể từ thời điểm công bố kết quả trúng đấu giá thì khoản tiền đặt trước và tiền lãi (nếu có) được chuyển thành tiền đặt cọc để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất.

- Trường hợp khi bàn giao đất cho tổ chức hoặc cá nhân trúng đấu giá, nếu diện tích đất thực tế tăng hoặc giảm so với diện tích đã công bố trong hồ sơ đấu giá thì phải quyết định bổ sung điều chỉnh lại Quyết định trúng đấu giá, số tiền phải nộp tăng lên hoặc giảm đi được tính bằng (=) giá đất trúng đấu giá trên một mét vuông nhân (x) với phần diện tích tăng hoặc giảm.

Trong trường hợp sau khi trúng đấu giá, cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm tăng hoặc giảm giá trị quyền sử dụng đất, người trúng đấu giá phải chấp hành thực hiện nghĩa vụ tài chính bổ sung hoặc được giảm trừ theo quy định.

Các trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan:

- Trường hợp thời hạn nộp tiền sử dụng đất mà ngày cuối cùng trùng vào ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật), ngày lễ, tết, thì thời hạn kết thúc việc nộp tiền sử dụng đất là ngày làm việc tiếp theo liền kề của ngày nghỉ, ngày lễ, tết đó.

Trường hợp ngày cuối cùng kết thúc nghĩa vụ tài chính mà người trúng đấu giá bị tai nạn, tử vong hoặc thuộc diện có Quyết định cách ly trong khu vực phong tỏa do dịch bệnh không thể ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp tiền thay được hoặc không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, thì khoảng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng không tính vào thời gian nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách Nhà nước và không bị hủy kết quả. Tuy nhiên, các trường hợp này đều phải có đầy đủ các giấy tờ kèm theo xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để chứng minh theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá.

Việc hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, cụ thể như sau:

Quá thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan Thuế, người trúng đấu giá không nộp tiền hoặc không nộp đủ số tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất thì cơ quan Thuế có trách nhiệm thông báo đến phòng Kinh tế UBND xã Hoàng Giang trình Chủ tịch UBND xã Hoàng Giang hủy quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá, người trúng đấu giá không được nhận lại tiền đặt cọc. Đối với trường hợp người trúng đấu giá đã nộp nhiều hơn khoản tiền đặt cọc thì được Nhà nước hoàn trả số tiền chênh lệch nhiều hơn so với số tiền đặt cọc theo quy định mà không được tính lãi suất hoặc trượt giá.

Điều 17: Xử lý vi phạm đối với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở.

Thực hiện theo quy định tại Điều 70 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

1. Trường hợp người trúng đấu giá không nộp đầy đủ, đúng hạn số tiền trúng đấu giá Thông báo của cơ quan Thuế, trên cơ sở Văn bản của cơ quan Thuế về việc không nộp đủ tiền sử dụng đất, phòng Kinh tế trình UBND xã hủy quyết định công nhận kết quả đấu giá. Người trúng đấu giá được hoàn lại số tiền sử dụng đất đã nộp (ngoài khoản tiền đặt trước), nhưng không được tính lãi và trượt giá.

2. Người trúng đấu giá sử dụng đất sai mục đích, sai quy hoạch thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất ở vi phạm nghĩa vụ nộp tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm thì bị cấm tham gia đấu giá đối với quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở như sau:

+ Từ 02 năm đến 05 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá không nộp tiền trúng đấu giá;

+ Từ 06 tháng đến 03 năm đối với trường hợp người trúng đấu giá nộp không đầy đủ tiền trúng đấu giá.

